

Bản án số: 15/2025/DS - ST

Ngày: 15/5/2025

“V/v tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Ngân - **Thẩm phán**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lâm Anh

Ông Đỗ Quang Khánh

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hằng- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Quế, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 259/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc *“tranh chấp đòi tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXX-ST ngày 7/3/2025;; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-DS ngày 26/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-DS ngày 18/4/2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ

Địa chỉ: Ấp Thanh T, thị trấn Thanh B, huyện Bù, tỉnh Bình Phước

Đại diện theo pháp luật: Ông Mai Ngọc H- Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Quang H; địa chỉ tầng 3, tòa nhà IC, số 82 Duy T, phường Dịch Vọng H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội

(Ông Hưng có mặt tại phiên tòa)

-Bị đơn: Ông Khúc Đình D, **sinh năm 1973**

HKTT tại nhà 5, lô C, khu X3, phường Dịch Vọng H, tổ 5, quận Cầu G, TP Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại Bản tự khai, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:**

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ (Công ty Cần Đ) và Công ty Cổ phần Thủy điện R II (Công ty R II) là Công ty con thuộc Tổng Công ty Sông Đ.

Năm 2013, thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng và Tổng Công ty Sông Đ, công ty R II tiến hành sáp nhập vào Công ty Cần Đ, theo đó kể từ ngày Công ty Cần Đ được Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty Cần Đ sẽ hưởng mọi quyền, lợi ích hợp pháp, đồng thời chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, khoản nợ, Hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty R II. Các thủ tục sáp nhập đã được các bên tiến hành và hoàn thành theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 11/3/2014, Công ty Cần Đ thành lập chi nhánh Nhà máy Thủy điện R II (Chi nhánh R II) tại thôn Ia P, xã Ia L, huyện Chư P, tỉnh Gia Lai.

Sau khi sáp nhập, Công ty Cần Đ đã thực hiện việc nhận bàn giao từ Công ty R II và phát hiện ông Khúc Đình D có phát sinh công nợ với Công ty R II (nay là công nợ với Công ty Cần Đ)

Theo bản xác nhận cam kết công nợ ngày 08/5/2014, ông Khúc Đình D đã xác nhận khoản nợ của mình đối với Chi nhánh R II thuộc Công ty Cần Đ là 8.109.538.473 (tám tỷ, một trăm linh chín triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm bảy mươi ba đồng), ông D đã thanh toán số tiền 1.970.000.000 đồng tính đến ngày 8/5/2014 và phải thanh toán số tiền còn lại: 6.139.538.473 đồng chậm nhất là ngày 25/05/2014.

Từ ngày 9/5/2014 đến ngày 16/9/2014, ông Khúc Đình D đã thực hiện trả nợ cho Chi nhánh R II tổng số tiền là 4.980.000.000 đồng.

Tính đến thời điểm hiện tại, ông Khúc Đình D còn nợ Chi nhánh R II số tiền nợ gốc là 1.159.538.473 đồng.

Công ty Cần Đ đã nhiều lần yêu cầu ông Khúc Đình D thực hiện nghĩa vụ trả nợ với chi nhánh R II nhưng ông D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền trên, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cần Đ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy buộc ông Khúc Đình D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ số tiền nợ gốc và lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, tạm tính đến ngày xét xử 15/5/2025 cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc là: 1.159.538.473 đồng.

Số tiền lãi với mức lãi suất 9%/năm do chậm thực hiện nghĩa vụ tính đến ngày xét xử 15/5/2025 là 1.177.256.762 đồng

Tổng số tiền Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ yêu cầu ông D phải thanh toán là 2.336.795.235 đồng.

***Bị đơn là ông Khúc Đình D:** Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của ông Khúc Đình D thì được cung cấp ông Khúc Đình D, sinh năm 1973; có đăng ký hộ khẩu tại nhà 5, lô C, khu X3, phường Dịch Vọng H, tổ 3, quận Cầu G, thành phố Hà Nội nhưng không còn cư trú, sinh sống tại địa chỉ trên từ năm 2021 đến nay, ông D hiện cư trú ở đâu, chính quyền địa phương không nắm được do ông không khai báo. Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ 3, ông Khúc Đình D vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án vẫn tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ là đúng thẩm quyền; tiến hành phân công Thẩm phán, thư ký theo đúng quy định tại điều 195, 197 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã đảm bảo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đã tiến hành tổng đạt cho các đương sự và Viện

kiểm sát đúng quy định tại các điều 177, 178, 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; quá trình giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa dân sự sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án, đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Khúc Đình D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 3 không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, điều 171, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP Thủy điện Cần Đ yêu cầu ông Khúc Đình D phải thanh toán cho Công ty CP Thủy điện Cần Đ số tiền nợ gốc 1.159.538.473 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử 15/5/2025 là 1.177.256.762 đồng. Về án phí: Công ty CP Thủy điện Cần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Khúc Đình D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ khởi kiện ông Khúc Đình D yêu cầu ông Khúc Đình D phải thanh toán cho Công ty số tiền nợ gốc và lãi cho chậm thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự, tranh chấp về quyền đối với tài sản căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Khúc Đình D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án xác định nguyên đơn là Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ, bị đơn là ông Khúc Đình D

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ (Công ty Cần Đ) và Công ty Cổ phần Thủy điện R II (Công ty R II) là Công ty con thuộc Tổng Công ty Sông Đ.

Năm 2013, thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng và Tổng Công ty Sông Đ, công ty R II tiến hành sáp nhập vào Công ty Cần Đ được thể hiện bằng Nghị quyết các vấn đề liên quan đến sáp nhập NLC và RHC vào SIB của Đại hội đồng thường niên .Tại Điều 2 của Nghị quyết quy định về phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Thủy Điện R II vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu. Sau khi sáp nhập, kể từ ngày Công ty Cần Đ được Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty Cần Đ sẽ hưởng mọi quyền, lợi ích hợp pháp, đồng thời chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, khoản nợ, Hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty R II. Các thủ tục sáp nhập đã được các bên tiến hành và hoàn thành theo đúng quy định pháp luật. Hồ sơ thể hiện ông Khúc Đình D có công nợ với Công ty R II, được thể hiện bằng bản xác nhận cam kết công nợ ngày 8/5/2014, ông Khúc Đình D đã xác nhận khoản nợ của mình đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ- nhà máy thủy điện R II số tiền là 8.109.538.473 đồng. Biên bản cũng xác nhận ngày 8/5/2014,

ông D đã nộp số tiền 1.970.000.000 đồng và phải thanh toán số tiền 6.139.538.473 đồng chậm nhất vào ngày 25/5/2014.

Trong khoảng thời gian từ ngày 9/5/2014 đến ngày 16/9/2014 ông Khúc Đình D đã thực hiện việc trả nợ cho chi nhánh R II số tiền 4.980.000.000 đồng được thể hiện qua các giao dịch chuyển khoản vào tài khoản của Thủy điện R II dưới tên Lê Thị G. Nguyên đơn đã nộp đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc sao kê số tiền trên. Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ cũng có bản giải trình xác nhận bà Lê Thị G là nhân viên của Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ, là thủ quỹ chi nhánh (có hợp đồng lao động kèm theo), bà Giang đã thu tiền từ ông D và nộp thay ông D vào tài khoản của chi nhánh Công ty thủy điện Cần Đ- nhà máy thủy điện R II.

Tòa án cũng đi tiên hành thu thập tài liệu là Biên bản hòa giải ngày 28/2/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn Công ty CP Thủy điện Cần Đ với bị đơn là ông Nguyễn Thành N- một trong 03 người ký vào bản cam kết công nợ ngày 8/5/2014 gồm ông Nguyễn Thành N, ông Khúc Đình D và ông Lưu Xuân T. Tại biên bản hòa giải ông Nguyễn Thành N xác nhận : “Ngày 8/5/2014, trước khi sát nhập, tôi (ông Nguyễn Thành N) và ông Lưu Xuân T là kế toán trưởng của CT R II, ông Khúc Đình D- nguyên kế toán trưởng của CT R II và tôi là Tổng giám đốc CT R II đã ngồi làm bản cam kết với nội dung: Hiện tại còn thiếu tiền trong tài khoản của CT R II là 16.075.518.769 đ, ba bên cam kết: tôi phải nộp 6.500.000.000 đ (đã nộp 1.558.000.000đ, còn nợ 4.992.000.000đ). Anh D phải nộp 8.109.538.473 đ, anh Toàn phải nộp 1.466.980.296 đ.” Ông Nguyễn Thành N đã xác nhận việc 03 ông ngồi ký bản cam kết ngày 8/5/2014 trước khi sát nhập và mỗi ông đều thừa nhận khoản nợ của mình với Công ty.

Như vậy việc ông Khúc Đình D nợ Chi nhánh R II là có thật, đã được xác nhận bằng bản cam kết công nợ ngày 8/5/2014 và thông qua việc ông đã trả nợ số tiền là 6.950.000.000 đồng, hiện nay ông Khúc Đình D còn nợ chưa trả công ty số tiền 1.159.538.473 đồng. Sau khi sáp nhập, các khoản nợ của Công ty R II đã trở thành khoản nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ, do vậy việc Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ khởi kiện yêu cầu buộc ông Khúc Đình D phải thanh toán số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ đối với ông Khúc Đình D, buộc ông Khúc Đình D phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ số tiền nợ là 1.159.538.473 đồng.

Về yêu cầu tính lãi của Công ty, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong bản cam kết giữa ông Khúc Đình D và Chi nhánh R II không có thỏa thuận về lãi, chỉ ghi nhận cam kết thời hạn nộp hết số tiền là ngày 25/05/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 9%/ năm kể từ ngày 25/5/2014 đến thời điểm xét xử sơ thẩm 15/5/2025. Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử xét thấy việc chậm trả nợ là do lỗi của bị đơn nên xem xét chấp nhận yêu cầu về lãi của nguyên đơn. Đối với yêu cầu mức lãi suất 9%/ năm của Nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận, buộc bị đơn ông Khúc Đình D phải thanh toán cho bên Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 15/5/2025 là 1.177.256.762 đồng.

[5] Về án phí: Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, hoàn trả Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Khúc Đình D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 280, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm

Áp dụng khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 147; điều 184; 203; khoản 1 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; điều 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

***Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ đối với ông Khúc Đình D.

Ông Khúc Đình D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ số tiền tính đến ngày 15/5/2025 là 2.336.795.235 (hai tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm chín lăm nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng (bao gồm số tiền gốc phải trả: 1.159.538.473 (một tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm bảy mươi ba) đồng và số tiền lãi phải trả tính đến ngày 15/5/2025 là 1.177.256.762 (một tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm sáu hai đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 34.973.460 (ba mươi tư triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0046834 ngày 20/12/2024 Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Ông

Khúc Đình D phải chịu 44.336.795 (bốn mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm chín lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Khúc Đình D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Cầu Giấy
- THA DS Q.Cầu Giấy
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán

Phạm Thị Thu Ngân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Các đương sự **Thẩm phán**
- VKSND Q.Cầu Giấy
- THA DS Q.Cầu Giấy
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

Tô Thanh Tú

